

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS - ST

Ngày: 20-8-2019

V/v tranh chấp về giao dịch dân sự,
hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi

2. Ông Trần Xuronne

- Thư ký phiên tòa: Bà: Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, số 109, đường T, phường C, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Phạm Doãn S**, sinh năm 1967.

Chức vụ: Tổng giám đốc - Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền: **Trần Hữu T**, sinh ngày 01/01/1972. (theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Chức vụ: Giám đốc - Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh H.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: số 32, đường N, phường 1, thành phố V, tỉnh H.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Võ Minh Ly. (theo Quyết định ủy quyền số 173/2019/QĐ – Liên Việt... ngày 28/3/2019).

Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch T– Chi nhánh H.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Phi V, sinh năm 1968.

Chị Đặng Thị Thanh P, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh S.

(Đại diện nguyên đơn, anh V có mặt, chị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B – người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Vào ngày 17/4/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần B và vợ chồng anh Nguyễn Phi V, chị Đặng Thị Thanh P có ký kết hợp đồng tín dụng số HĐTD801201804447, theo đó anh V, chị P sẽ được Ngân hàng thương mại cổ phần B cho vay số tiền 70.000.000 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn chăm sóc vườn mận và cam.

Thời hạn vay: 11 tháng.

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 13%/ năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, tiền lãi được đóng 03 tháng một lần vào ngày 17/7/2018, ngày 17/10/2018, ngày 17/01/2019 và ngày 15/03/2019 trả luôn tiền vốn.

Hình thức vay: không có tài sản bảo đảm.

Tuy nhiên, Ngân hàng thương mại cổ phần B có giữ bản chính 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do anh V và chị P đứng tên theo giấy chứng nhận số BN858256, sổ vào sổ cấp GCN:CH00405 ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện K .

Sau khi vay tiền, anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi phát sinh theo thỏa thuận và cũng không thanh toán nợ gốc khi đến hạn, gây thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 20/8/2019.

Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đang giải quyết vụ kiện, anh Nguyễn Phi V, chị Đặng Thị Thanh P đã thanh toán được cho ngân hàng 6.000.025 đồng tiền vốn vay, hiện chỉ còn nợ lại 63.999.975 đồng.

Tại phiên Tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần B xin thay đổi một phần yêu cầu về tiền vốn vay.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 63.999.975 đồng và 7.912.355 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/8/2019. Cộng chung là **71.912.330 đồng**.

Trường hợp anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần B, thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản bản đảm để thu hồi nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Phi V trình bày:

Anh V và chị Đặng Thị Thanh P là vợ chồng. Anh V xác định, anh và chị P biết ngân hàng khởi kiện đòi nợ.

Anh V và chị P có vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt số tiền là 70.000.000 đồng và có giao 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do anh V và chị P đứng tên theo giấy chứng nhận số BN858256, sổ vào sổ cấp GCN:CH00405 ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách để ngân hàng cất giữ.

Anh V thừa nhận, chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Phi V, Đặng Thị Thanh P trong Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị vay vốn là do anh và chị P ký, viết tên.

Sau khi vay tiền, anh V và chị P có thanh toán được cho ngân hàng 6.000.000 đồng tiền vốn thì ngưng luôn.

Nay anh V và chị P cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nhưng xin mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Riêng về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh V và chị P đứng tên hiện ngân hàng đang cất giữ thì anh V, chị P không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Bị đơn là chị Đặng Thị Thanh P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 63.999.975 đồng và 7.912.355 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/8/2019. Cộng chung là **71.912.330 đồng**.

Về yêu cầu xử lý tài sản: Xét thấy, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B và vợ chồng anh V, chị P không có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản nên yêu cầu xử lý tài sản của ngân hàng là không có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận.

Về án phí và chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, bị đơn là chị Đặng Thị Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời chị P không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho chị P đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu về tiền vốn vay còn nợ với lý do trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 6.000.025 đồng, hiện chỉ còn nợ lại 63.999.975 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu về tiền vốn vay của nguyên đơn là có lợi cho các bị đơn, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là hợp đồng tín dụng số HĐTD801201804447 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm P án trả nợ cùng ngày 17/4/2018 thể hiện việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 70.000.000đ. Theo bản tự khai ngày 30/7/2019, bị đơn là anh Nguyễn Phi V xác định: "...chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Phi V, Đặng Thị Thanh P trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn là do anh và chị P ký, viết tên". Xét thấy, do bị đơn là anh V có ý kiến thừa nhận có vay tiền như lời trình bày

của nguyên đơn nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Như vậy giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện giao dịch về tài sản thông qua hợp đồng tín dụng dưới hình thức vay tiền có kỳ hạn và có lãi theo quy định của pháp luật là có thật.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”; tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định: “.... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...” và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định “ Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn là chị P như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía chị P không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy chị P đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của chị P mà đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét thấy, các bị đơn đã có vay tiền của nguyên đơn, đồng thời các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số HĐTD801201804447 ngày 17/4/2018, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 63.999.975 đồng và 7.912.355 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/8/2019. Cộng chung là **71.912.330 đồng** là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng về việc Ngân hàng thương mại cổ phần Byêu cầu xử lý các tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 8, diện tích 7370,4m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Cự Mạnh, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng do các bị đơn đứng tên theo giấy chứng nhận số BN858256, sổ vào sổ cấp GCN:CH00405 ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách đề thu hồi nợ. Xét thấy, tại mục 5.1, điều 5 của hợp đồng tín dụng số HĐTD801201804447 ngày 17/4/2018 do các bên ký kết có thể hiện nội dung: “...Bên cho vay cho Bên vay vay theo hình thức cho vay không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản....”. Mặt khác, giữa nguyên đơn và các bị đơn cũng không có ký kết, thỏa thuận bất cứ biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nào, cũng không đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định tại Điều 292 và Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên, giữa nguyên đơn và các bị đơn không phát sinh quyền, nghĩa vụ trong việc xử lý tài sản bảo đảm theo luật định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

Đối với ý kiến của bị đơn Nguyễn Phi V xin được trả dần số tiền vay còn nợ bằng cách mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Xét thấy, ý kiến này của bị đơn V không được nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Riêng về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 383, tờ bản đồ số 8, diện tích 7370,4m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Cự Mạnh, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng do các bị đơn đứng tên theo giấy chứng nhận số BN858256, sổ vào sổ cấp GCN:CH00405 ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách hiện do nguyên đơn đang giữ hộ. Xét thấy, các bị đơn không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu gì, đồng thời việc nguyên đơn giữ hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi thực hiện hợp đồng tín dụng với các bị đơn là do các bên tự thỏa thuận, việc thỏa thuận này không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét vấn đề nguyên đơn đang giữ hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn trong vụ án này, nếu sau này giữa nguyên đơn và các bị đơn có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu về tiền của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu về xử lý tài sản của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 292, Điều 298, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 12, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc hội.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần . Buộc anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bsố tiền vốn vay còn nợ là 63.999.975 đồng và 7.912.355 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/8/2019. Cộng chung là 71.912.330 đồng (bảy mươi một triệu chín trăm mười hai ngàn ba trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần B thì lãi suất mà anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần B .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc xử lý các tài sản là thửa đất số 383, tờ bản đồ số 8, diện tích 7370,4m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Cự Mạnh, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng do anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN858256, số vào sổ cấp GCN:CH00405 ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách để thu hồi nợ

[3] Về án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận. Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.796.000 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0008476 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Ngân hàng thương mại cổ phần B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Anh Nguyễn Phi V và chị Đặng Thị Thanh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **3.595.617 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm mười bảy đồng)**.

Án xử công khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh Nguyễn Phi V có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Chị Đặng Thị Thanh P không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy